**V.LĨNH VỰC CẤP, QUẢN LÝ THẺ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN**

**A. CẤP TỈNH**

**1. Cấp thẻ Căn cước công dân khi đã có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư**

***1.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Công dân điền vào Tờ khai Căn cước công dân tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, đối chiếu thông tin của công dân trong Tờ khai căn cước công dân với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để xác định chính xác người cần cấp thẻ:

Trường hợp công dân làm thủ tục chuyển từ Chứng minh nhân dân 9 số, Chứng minh nhân dân 12 số sang thẻ Căn cước công dân thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thu Chứng minh nhân dân 9 số, Chứng minh nhân dân 12 số do công dân nộp, theo quy định tại Điều 15, Thông tư 07/2016/TT-BCA ngày 01/02/2016 của Bộ Công an sau đó tiến hành như sau:

*“1. Đối với Chứng minh nhân dân 9 số:*

*a) Trường hợp Chứng minh nhân dân 9 số còn rõ nét (ảnh, số Chứng minh nhân dân và chữ) thì cắt góc phía trên bên phải mặt trước của Chứng minh nhân dân đó, mỗi cạnh góc vuông là 2cm, ghi vào hồ sơ và trả Chứng minh nhân dân đã được cắt góc cho người đến làm thủ tục. Ngay sau khi nhận Chứng minh nhân dân đã cắt góc hoặc sau đó, nếu công dân có yêu cầu thì cơ quan tiến hành cắt góc Chứng minh nhân dân 9 số có trách nhiệm cấp giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân cho công dân;*

*b) Trường hợp Chứng minh nhân dân 9 số bị hỏng, bong tróc, không rõ nét (ảnh, số Chứng minh nhân dân và chữ) thì thu, hủy Chứng minh nhân dân đó, ghi vào hồ sơ và cấp Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân cho công dân.*

*2. Đối với Chứng minh nhân dân 12 số, cắt góc phía trên bên phải mặt trước của Chứng minh nhân dân đó, mỗi cạnh góc vuông bên phải là 1,5cm, ghi vào hồ sơ, trả Chứng minh nhân dân đã cắt góc cho người đến làm thủ tục.*

*3. Trường hợp công dân mất Chứng minh nhân dân 9 số mà làm thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân thì khi công dân có yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp thẻ Căn cước công dân có trách nhiệm cấp giấy số Chứng minh nhân dân 9 số đã mất cho công dân.”*

Trường hợp công dân thông tin có sự thay đổi, chưa được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì yêu cầu công dân xác định thông tin chính xác và xuất trình các giấy tờ hợp pháp về những thông tin cần ghi trong Tờ khai căn cước công dân.

Trường hợp đủ điều kiện, thủ tục thì tiến hành nhập các trường thông tin của công dân kê khai theo (mẫu CC01), thu nhận vân tay, in giấy hẹn, chụp ảnh chân dung của công dân, in Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (mẫu CC02) chuyển cho công dân kiểm tra xác nhận thông tin và ký, ghi rõ họ tên và cán bộ thu nhận kiểm tra thông tin ký, ghi rõ họ tên vào phiếu thu nhận, trả giấy hẹn trả thẻ Căn cước công dân cho công dân.

Trường hợp đủ điều kiện nhưng thông tin chưa đầy đủ, chính xác thì hướng dẫn công dân bổ sung hoặc kê khai lại. Nếu thiếu giấy tờ liên quan theo quy định thì hướng dẫn bằng văn bản cho công dân, ghi rõ nội dung cần bổ sung.

Trường hợp qua đối chiếu thông tin thấy không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ cho công dân và ghi rõ lý do vào Tờ khai căn cước công dân.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết).

Bước 3: Thời gian trả kết quả: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết); nơi trả kết quả tại cơ quan Công an nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc trả qua đường bưu điện.

***1.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở Công an hoặc cấp lưu động tại các địa điểm cần thiết.

***1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Tờ khai Căn cước công dân (ký hiệu là CC01);

b) Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (ký hiệu là CC02);

c) Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi các thông tin (nếu có).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***1.4. Thời hạn giải quyết:*** Theo quy định của Luật Căn cước công dân (không quá 07 ngày làm việc).

***1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Công dân Việt Nam.

***1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh.

***1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Thẻ Căn cước công dân.

***1.8. Lệ phí:*** 30.000 đồng đối với công dân chuyển từ chứng minh nhân dân 9 số, 12 số sang cấp thẻ Căn cước công dân.

Các trường hợp không phải nộp lệ phí: Công dân từ đủ 14 tuổi trở lên làm thủ tục cấp thẻ căn cước công dân lần đầu.

***1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

+ Tờ khai Căn cước công dân (ký hiệu là CC01);

+ Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (ký hiệu là CC02).

***1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không.

***1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

 + Luật căn cước công dân số 59/2014/QH13 ngày 20/11/2014;

+ Nghị định 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước công dân;

+ Thông tư 07/2016/TT-BCA ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết 1 số điều của Luật căn cước công dân và Nghị định 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước công dân;

+ Thông tư 61/2015/TT-BCA ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu thẻ CCCD;

+ Thông tư 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý thẻ CCCD, tàng thư CCCD và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

+ Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ CCCD;

+ Thông tư 10/2016/TT-BCA ngày 03/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tàng thư CCCD.

+ Thông tư số 256/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí thẻ Căn cước công dân.

+ Thông tư số 331/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 256/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí thẻ Căn cước công dân.

+ Quyết định số 3039/QĐ-BCA ngày 21/7/2016 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an.

**2. Cấp thẻ Căn cước công dân khi chưa có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư**

 ***2.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: + Cán bộ tiếp nhận hồ sơ đề nghị công dân xuất trình Sổ hộ khẩu và các giấy tờ liên quan và phát tờ khai CCCD ( mẫu CC01)

+ Công dân điền thông tin cá nhân vào Tờ khai Căn cước công dân tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu thông tin của công dân trong Tờ khai căn cước công dân với thông tin trong Sổ hộ khẩu hoặc các giấy tờ liên quan:

Trường hợp công dân làm thủ tục chuyển từ Chứng minh nhân dân 9 số, Chứng minh nhân dân 12 số sang thẻ Căn cước công dân thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thu Chứng minh nhân dân 9 số, Chứng minh nhân dân 12 số do công dân nộp, theo quy định tại Điều 15, Thông tư 07/2016/TT-BCA ngày 01/02/2016 của Bộ Công an sau đó tiến hành như sau:

*“1. Đối với Chứng minh nhân dân 9 số:*

*a) Trường hợp Chứng minh nhân dân 9 số còn rõ nét (ảnh, số Chứng minh nhân dân và chữ) thì cắt góc phía trên bên phải mặt trước của Chứng minh nhân dân đó, mỗi cạnh góc vuông là 2cm, ghi vào hồ sơ và trả Chứng minh nhân dân đã được cắt góc cho người đến làm thủ tục. Ngay sau khi nhận Chứng minh nhân dân đã cắt góc hoặc sau đó, nếu công dân có yêu cầu thì cơ quan tiến hành cắt góc Chứng minh nhân dân 9 số có trách nhiệm cấp giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân cho công dân;*

*b) Trường hợp Chứng minh nhân dân 9 số bị hỏng, bong tróc, không rõ nét (ảnh, số Chứng minh nhân dân và chữ) thì thu, hủy Chứng minh nhân dân đó, ghi vào hồ sơ và cấp Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân cho công dân.*

*2. Đối với Chứng minh nhân dân 12 số, cắt góc phía trên bên phải mặt trước của Chứng minh nhân dân đó, mỗi cạnh góc vuông bên phải là 1,5cm, ghi vào hồ sơ, trả Chứng minh nhân dân đã cắt góc cho người đến làm thủ tục.*

*3. Trường hợp công dân mất Chứng minh nhân dân 9 số mà làm thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân thì khi công dân có yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp thẻ Căn cước công dân có trách nhiệm cấp giấy số Chứng minh nhân dân 9 số đã mất cho công dân.”*

Trường hợp công dân thông tin có sự thay đổi, chưa được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì yêu cầu công dân xác định thông tin chính xác và xuất trình các giấy tờ hợp pháp về những thông tin cần ghi trong Tờ khai căn cước công dân.

Trường hợp đủ điều kiện, thủ tục thì tiến hành nhận các trường thông tin của công dân kê khai theo mẫu, thu nhận vân tay, in giấy hẹn, chụp ảnh chân dung của công dân, in Phiếu thu nhận thông tin Căn cước công dân (mẫu CC02) chuyển cho công dân kiểm tra xác nhận thông tin và ký, nghi rõ họ tên và cán bộ thu nhận kiểm thông tin, ký, ghi rõ họ tên vào phiếu thu nhận và lưu hồ sơ cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ CCCD, trả giấy hẹn trả thẻ Căn cước công dân cho công dân.Trường hợp công dân có điều chỉnh thông tin so với thông tin trong hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân trước đây hoặc thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu Căn cước công dân thì phải nhập thông tin căn cứ, nội dung điều chỉnh và in phiếu điều chỉnh thông tin căn cước công dân, chuyển cho công dân kiểm tra, ký, ghi rõ họ tên. cán bộ thu nhận thông tin ký, ghi rõ họ tên vào phiếu này và lưu vào hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

Trường hợp đủ điều kiện nhưng thông tin chưa đầy đủ, chính xác thì hướng dẫn công dân bổ sung hoặc kê khai lại. Nếu thiếu giấy tờ liên quan theo quy định thì hướng dẫn bằng văn bản cho công dân, ghi rõ nội dung cần bổ sung.

Trường hợp qua đối chiếu thông tin thấy không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ cho công dân và ghi rõ lý do vào Tờ khai căn cước công dân.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết).

Bước 3: Thời gian trả kết quả: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết); nơi trả kết quả tại cơ quan Công an nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc trả qua đường bưu điện.

***2.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở Công an hoặc cấp lưu động tại các địa điểm cần thiết.

***2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Sổ hộ khẩu;

b) Tờ khai Căn cước công dân (ký hiệu là CC01);

c) Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (ký hiệu là CC02);

d) Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi các thông tin (nếu có).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***2.4. Thời hạn giải quyết****:* Theo quy định của Luật Căn cước công dân (không quá 07 ngày làm việc).

***2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*:** Công dân Việt Nam.

***2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Thẻ Căn cước công dân.

***2.8. Lệ phí:*** 30.000 đồng đối với công dân chuyển từ chứng minh nhân dân 9 số, 12 số sang cấp thẻ Căn cước công dân.

Các trường hợp không phải nộp lệ phí: Công dân từ đủ 14 tuổi trở lên làm thủ tục cấp thẻ căn cước công dân lần đầu.

***2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

+ Tờ khai Căn cước công dân (ký hiệu là CC01);

+ Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (ký hiệu là CC02).

***2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không.

***2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

 + Luật căn cước công dân số 59/2014/QH13 ngày 20/11/2014;

+ Nghị định 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước công dân;

+ Thông tư 07/2016/TT-BCA ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết 1 số điều của Luật căn cước công dân và Nghị định 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước công dân;

+ Thông tư 61/2015/TT-BCA ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu thẻ CCCD;

+ Thông tư 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý thẻ CCCD, tàng thư CCCD và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

+ Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ CCCD;

+ Thông tư 10/2016/TT-BCA ngày 03/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tàng thư CCCD.

+ Thông tư số 256/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí thẻ Căn cước công dân;

+ Thông tư số 331/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 256/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí thẻ Căn cước công dân.

+ Quyết định số 3039/QĐ-BCA ngày 21/7/2016 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an.

**3. Thủ tục: Đổi thẻ Căn cước công dân**

***3.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1:Khi công dân đến làm thủ tục đề nghị cấp đổi thẻ CCCD, cán bộ tiếp nhận yêu cầu Công dân đến làm thủ tục điền vào Tờ khai Căn cước công dân theo mẫu tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ thu lại thẻ Căn cước công dân.

Bước 2: Cán bộ thu nhận thông tin kiểm tra, đối chiếu thông tin của công dân trong Tờ khai căn cước công dân với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để xác định chính xác người cần đổi thẻ:

Trường hợp công dân thông tin có sự thay đổi, chưa được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì yêu cầu công dân xác định thông tin chính xác và xuất trình các giấy tờ hợp pháp về những thông tin cần ghi trong Tờ khai căn cước công dân.

Trường hợp đủ điều kiện, thủ tục thì tiến hành nhập các trường thông tin cá nhân theo mẫu (CC01), thu nhận vân tay, chụp ảnh chân dung của công dân, in Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (mẫu CC02), in giấy hẹn chuyển cho công dân kiểm tra xác nhận thông tin ký, ghi rõ họ và tên và cán bộ thu nhận thông tin kiểm tra, ký ghi rõ họ tên và lưu hồ sơ cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ CCCD, trả giấy hẹn trả thẻ Căn cước công dân cho công dân.Trường hợp công dân có điều chỉnh thông tin so với thông tin trong hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân trước đây hoặc thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu Căn cước công dân thì phải nhập thông tin căn cứ, nội dung điều chỉnh và in phiếu điều chỉnh thông tin căn cước công dân, chuyển cho công dân kiểm tra, ký, ghi rõ họ tên. cán bộ thu nhận thông tin ký, ghi rõ họ tên vào phiếu này và lưu vào hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân

Trường hợp đủ điều kiện nhưng thông tin chưa đầy đủ, chính xác thì hướng dẫn công dân bổ sung hoặc kê khai lại. Nếu thiếu giấy tờ liên quan theo quy định thì hướng dẫn bằng văn bản cho công dân, ghi rõ nội dung cần bổ sung.

Trường hợp qua đối chiếu thông tin thấy không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ cho công dân và ghi rõ lý do vào Tờ khai căn cước công dân.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết).

Bước 3: Thời gian trả kết quả: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết); nơi trả kết quả tại cơ quan Công an nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc trả qua đường bưu điện.

***3.2. Cách thức thực hiện*:** Trực tiếp tại trụ sở Công an hoặc cấp lưu động tại các địa điểm cần thiết.

***3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Tờ khai Căn cước công dân (ký hiệu là CC01);

b) Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (ký hiệu là CC02).

c) Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi các thông tin (nếu có).

d) Thẻ Căn cước công dân cần đổi.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***3.4. Thời hạn giải quyết:*** Theo quy định của Luật Căn cước công dân (không quá 07 ngày làm việc).

***3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Công dân Việt Nam.

***3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Thẻ Căn cước công dân.

***3.8. Lệ phí:*** 50.000 đồng, trừ các trường hợp sau:

+ Các trường hợp miễn lệ phí

a) Đổi thẻ căn cước công dân khi Nhà nước quy định thay đổi địa giới hành chính;

b) Đổi thẻ căn cước công dân cho công dân là bố, mẹ, vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con dưới 18 tuổi của thương binh và người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; công dân thường trú tại các xã biên giới; các huyện đảo; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; công dân thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật;

c) Đổi thẻ căn cước công dân cho công dân dưới 18 tuổi, mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa.

+ Các trường hợp không phải nộp lệ phí

a, Đổi thẻ căn cước công dân khi đủ 25 tuổi, 40 tuổi, 60 tuổi.

b, Đổi thẻ căn cước công dân khi có sai sót về thông tin trên thẻ căn cước công dân do lỗi của cơ quan quản lý căn cước công dân.

***3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

+ Tờ khai Căn cước công dân (ký hiệu là CC01);

+ Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (ký hiệu là CC02).

***3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không.

***3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

 + Luật căn cước công dân số 59/2014/QH13 ngày 20/11/2014;

+ Nghị định 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước công dân;

+ Thông tư 07/2016/TT-BCA ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết 1 số điều của Luật căn cước công dân và Nghị định 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước công dân;

+ Thông tư 61/2015/TT-BCA ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu thẻ CCCD;

+ Thông tư 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý thẻ CCCD, tàng thư CCCD và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

+ Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ CCCD;

+ Thông tư 10/2016/TT-BCA ngày 03/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tàng thư CCCD.

+ Thông tư số 256/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí thẻ Căn cước công dân.

+ Thông tư số 331/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 256/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí thẻ Căn cước công dân.

+ Quyết định số 3039/QĐ-BCA ngày 21/7/2016 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an.

**4. Cấp lại thẻ Căn cước công dân**

***4.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ: phát tờ khai theo mẫu (CC01), Công dân điền vào Tờ khai Căn cước công dân tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội -Công an tỉnh.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu thông tin về công dân trong Tờ khai căn cước công dân với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để xác định chính xác người cần cấp lại thẻ:

Trường hợp công dân thông tin có sự thay đổi, chưa được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì yêu cầu công dân xác định thông tin chính xác và xuất trình các giấy tờ hợp pháp về những thông tin cần ghi trong Tờ khai căn cước công dân.

Trường hợp đủ điều kiện, thủ tục thì tiến hành nhập các trường thông tin cá nhân theo mẫu (CC01), thu nhận vân tay, chụp ảnh chân dung của công dân,in phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (mẫu CC02) chuyển cho công dân kiểm tra xác nhận thông tin ký, ghi rõ họ tên và cán bộ thu nhận thông tin kiểm tra, ký, ghi rõ họ tên, thu lệ phí theo quy định, in giấy hẹn trả thẻ Căn cước công dân cho công dân. Trường hợp công dân có điều chỉnh thông tin so với thông tin trong hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân trước đây hoặc thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân thì phải nhập thông tin căn cứ, nội dung điều chỉnh và in phiếu điều chỉnh thông tin căn cước công dân (CC09), chuyển cho công dân kiểm tra, ký, ghi rõ họ tên. cán bộ thu nhận thông tin ký, ghi rõ họ tên vào phiếu này và lưu vào hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết).

Bước 3: Thời gian trả kết quả: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết); nơi trả kết quả tại cơ quan Công an nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc trả qua đường bưu điện.

***4.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở Công an hoặc cấp lưu động tại các địa điểm cần thiết.

***4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

**+ Thành phần hồ sơ:**

a) Tờ khai Căn cước công dân (ký hiệu là CC01);

b) Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (ký hiệu là CC02);

c) Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi các thông tin (nếu có).

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ.

***4.4. Thời hạn giải quyết:*** Theo quy định của Luật Căn cước công dân (không quá 15 ngày làm việc).

***4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Công dân Việt Nam.

***4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Thẻ Căn cước công dân.

***4.8. Lệ phí:*** 70.000 đồng

Các trường hợp miễn lệ phí:

+ Cấp lại thẻ căn cước công dân cho công dân là bố, mẹ, vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con dưới 18 tuổi của thương binh và người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; công dân thường trú tại các xã biên giới; các huyện đảo; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; công dân thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật;

+ Cấp lại thẻ căn cước công dân cho công dân dưới 18 tuổi, mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa.

***4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

+ Tờ khai Căn cước công dân (ký hiệu là CC01);

+ Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (ký hiệu là CC02).

***4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không.

***4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

 + Luật căn cước công dân số 59/2014/QH13 ngày 20/11/2014;

+ Nghị định 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước công dân;

+ Thông tư 07/2016/TT-BCA ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết 1 số điều của Luật căn cước công dân và Nghị định 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước công dân;

+ Thông tư 61/2015/TT-BCA ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu thẻ CCCD;

+ Thông tư 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý thẻ CCCD, tàng thư CCCD và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

+ Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ CCCD;

+ Thông tư 10/2016/TT-BCA ngày 03/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tàng thư CCCD;

+ Thông tư số 256/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí thẻ Căn cước công dân;

+ Thông tư số 331/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 256/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí thẻ Căn cước công dân;

+ Quyết định số 3039/QĐ-BCA ngày 21/7/2016 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an.

**5. Thủ tục: Xác nhận số Chứng minh nhân dân khi cấp thẻ Căn cước công dân đã có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư**

***5.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Công dân điền thông tin yêu cầu vào Tờ khai Căn cước công dân tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh, trong Tờ khai Căn cước công dân, công dân ghi “có” yêu cầu cấp giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

Bước 3: Thời gian trả “Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân” như thời gian ghi trên giấy hẹn trả thẻ Căn cước công dân.

***5.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở Công an nơi tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp thẻ Căn cước công dân.

***5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần số lượng:

a) Tờ khai Căn cước công dân (ký hiệu là CC01);

b) Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (ký hiệu là CC02).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***5.4. Thời hạn giải quyết:*** Như thời gian trả thẻ Căn cước công dân.

***5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên, đang cư trú trên lãnh thổ Việt Nam đã được cấp Chứng minh nhân dân (9 số) có yêu cầu cấp thẻ Căn cước công dân.

***5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính****:* Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*:** Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân.

***5.8. Lệ phí:***Không thu lệ phí.

***5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Tờ khai Căn cước công dân (ký hiệu là CC01).

***5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không.

***5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:**

 + Thông tư số 07/2016/TT-BCA ngày 01/02/2016 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân; + Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân, tàng thư căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ Quyết định số 3039/QĐ-BCA ngày 21/7/2016 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an.

**6. Thủ tục: Xác nhận số Chứng minh nhân dân khi cấp thẻ Căn cước công dân chưa có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.**

***6.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Công dân điền thông tin yêu cầu vào Tờ khai Căn cước công dân tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh, trong Tờ khai Căn cước công dân, công dân ghi “có” yêu cầu cấp giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

Bước 3: Thời gian trả “Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân” như thời gian ghi trên giấy hẹn trả thẻ Căn cước công dân.

***6.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở Công an nơi tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp thẻ Căn cước công dân.

***6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Sổ hộ khẩu;

b) Tờ khai Căn cước công dân (ký hiệu là CC01);

c) Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (ký hiệu là CC02).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***6.4. Thời hạn giải quyết:*** Như thời gian trả thẻ Căn cước công dân.

***6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên, đang cư trú trên lãnh thổ Việt Nam đã được cấp Chứng minh nhân dân (9 số) có yêu cầu cấp thẻ Căn cước công dân.

**6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân.

**6.8. Lệ phí:** Không thu lệ phí.

**6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai Căn cước công dân (ký hiệu là CC01).

**6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

 + Thông tư số 07/2016/TT-BCA ngày 01/02/2016 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân;

 + Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân, tàng thư căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

 + Quyết định số 3039/QĐ-BCA ngày 21/7/2016 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an.

**7. Thủ tục: Xác nhận số Chứng minh nhân dân khi đã được cấp thẻ Căn cước công dân**

***7.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Công dân đã được cấp thẻ Căn cước công dân có nhu cầu được cấp giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân chuẩn bị hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

Bước 3: Nhận kết quả.

***7.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở Công an nơi đã làm thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân cho công dân.

***7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Thẻ Căn cước công dân;

b) Chứng minh nhân dân (12 số) đã bị cắt góc (nếu có);

c) Chứng minh nhân dân (9 số) đã bị cắt góc (nếu có).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***7.4. Thời hạn giải quyết:***Như thời gian đối với trường hợp cấp thẻ Căn cước công dân.

***7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên, đang cư trú trên lãnh thổ Việt Nam đã được cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân hoặc mất giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân đã được cấp.

***7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

***7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân.

***7.8. Lệ phí:*** Không thu lệ phí.

***7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Không.

***7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không.

***7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

 + Thông tư số 07/2016/TT-BCA ngày 01/02/2016 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân;

 + Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân, tàng thư căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ Quyết định số 3039/QĐ-BCA ngày 21/7/2016 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an.

**B. CẤP HUYỆN**

**1. Cấp thẻ Căn cước công dân khi đã có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư**

***1.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ phát tờ khai CCCD cho công dân, công dân điền vào Tờ khai Căn cước công dân tại Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an cấp huyện.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra hồ sơ kiểm tra, đối chiếu thông tin về công dân trong Tờ khai căn cước công dân với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để xác định chính xác người cần cấp thẻ:

Trường hợp công dân làm thủ tục chuyển từ Chứng minh nhân dân 9 số, Chứng minh nhân dân 12 số sang thẻ Căn cước công dân thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thu Chứng minh nhân dân 9 số, Chứng minh nhân dân 12 số do công dân nộp, theo quy định tại Điều 15, Thông tư 07/2016/TT-BCA ngày 01/02/2016 của Bộ Công an sau đó tiến hành như sau:

*“1. Đối với Chứng minh nhân dân 9 số:*

*a) Trường hợp Chứng minh nhân dân 9 số còn rõ nét (ảnh, số Chứng minh nhân dân và chữ) thì cắt góc phía trên bên phải mặt trước của Chứng minh nhân dân đó, mỗi cạnh góc vuông là 2cm, ghi vào hồ sơ và trả Chứng minh nhân dân đã được cắt góc cho người đến làm thủ tục. Ngay sau khi nhận Chứng minh nhân dân đã cắt góc hoặc sau đó, nếu công dân có yêu cầu thì cơ quan tiến hành cắt góc Chứng minh nhân dân 9 số có trách nhiệm cấp giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân cho công dân;*

*b) Trường hợp Chứng minh nhân dân 9 số bị hỏng, bong tróc, không rõ nét (ảnh, số Chứng minh nhân dân và chữ) thì thu, hủy Chứng minh nhân dân đó, ghi vào hồ sơ và cấp Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân cho công dân.*

*2. Đối với Chứng minh nhân dân 12 số, cắt góc phía trên bên phải mặt trước của Chứng minh nhân dân đó, mỗi cạnh góc vuông bên phải là 1,5cm, ghi vào hồ sơ, trả Chứng minh nhân dân đã cắt góc cho người đến làm thủ tục.*

*3. Trường hợp công dân mất Chứng minh nhân dân 9 số mà làm thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân thì khi công dân có yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp thẻ Căn cước công dân có trách nhiệm cấp giấy số Chứng minh nhân dân 9 số đã mất cho công dân.”*

Trường hợp công dân thông tin có sự thay đổi, chưa được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì yêu cầu công dân xác định thông tin chính xác và xuất trình các giấy tờ hợp pháp về những thông tin cần ghi trong Tờ khai căn cước công dân.

Trường hợp đủ điều kiện, thủ tục thì tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh chân dung của công dân, Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (mẫu CC02) chuyển cho công dân kiểm tra xác nhận thông tin, in giấy hẹn trả thẻ Căn cước công dân cho công dân.

Trường hợp đủ điều kiện nhưng thông tin chưa đầy đủ, chính xác thì hướng dẫn công dân bổ sung hoặc kê khai lại. Nếu thiếu giấy tờ liên quan theo quy định thì hướng dẫn bằng văn bản cho công dân, ghi rõ nội dung cần bổ sung.

Trường hợp qua đối chiếu thông tin thấy không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ cho công dân và ghi rõ lý do vào Tờ khai căn cước công dân.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày lễ, tết).

Bước 3: Thời gian trả kết quả: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày lễ, tết); nơi trả kết quả tại cơ quan Công an nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc trả qua đường bưu điện.

***1.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở Công an hoặc cấp lưu động tại các địa điểm cần thiết.

***1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Tờ khai Căn cước công dân (ký hiệu là CC01);

b) Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (ký hiệu là CC02);

c) Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi các thông tin (nếu có).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***1.4. Thời hạn giải quyết:*** Theo quy định của Luật Căn cước công dân:

+ Tại thành phố, thị xã không quá 07 ngày làm việc;

+ Tại các huyện miền núi vùng cao, biên giới, hải đảo không quá 20 ngày làm việc;

+ Tại các khu vực còn lại không quá 15 ngày làm việc.

***1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Công dân Việt Nam.

***1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp huyện.

***1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Thẻ Căn cước công dân.

***1.8. Lệ phí:*** 30.000 đồng đối với công dân chuyển từ chứng minh nhân dân 9 số, 12 số sang cấp thẻ Căn cước công dân.

Các trường hợp không phải nộp lệ phí: Công dân từ đủ 14 tuổi trở lên làm thủ tục cấp thẻ căn cước công dân lần đầu.

***1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

+ Tờ khai Căn cước công dân (ký hiệu là CC01);

+ Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (ký hiệu là CC02).

***1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không.

***1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

 + Luật căn cước công dân số 59/2014/QH13 ngày 20/11/2014;

+ Nghị định 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước công dân;

+ Thông tư 07/2016/TT-BCA ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết 1 số điều của Luật căn cước công dân và Nghị định 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước công dân;

+ Thông tư 61/2015/TT-BCA ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu thẻ CCCD;

+ Thông tư 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý thẻ CCCD, tàng thư CCCD và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

+ Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ CCCD;

+ Thông tư 10/2016/TT-BCA ngày 03/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tàng thư CCCD.

+ Thông tư số 256/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí thẻ Căn cước công dân.

+ Thông tư số 331/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 256/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí thẻ Căn cước công dân.

+ Quyết định số 3039/QĐ-BCA ngày 21/7/2016 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an.

**2. Cấp thẻ Căn cước công dân khi chưa có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư**

 ***2.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Cán bộ đề nghị xuất trình Sổ hộ khẩu và phát tờ khai theo mẫu (CC01) Công dân điền vào Tờ khai Căn cước công dân tại Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an cấp huyện.

Bước 2:

+ Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu thông tin về công dân trong Tờ khai căn cước công dân với thông tin trong Sổ hộ khẩu hoặc các giấy tờ liên quan:

Trường hợp công dân làm thủ tục chuyển từ Chứng minh nhân dân 9 số, Chứng minh nhân dân 12 số sang thẻ Căn cước công dân thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thu Chứng minh nhân dân 9 số, Chứng minh nhân dân 12 số do công dân nộp, theo quy định tại Điều 15, Thông tư 07/2016/TT-BCA ngày 01/02/2016 của Bộ Công an sau đó tiến hành như sau:

*“1. Đối với Chứng minh nhân dân 9 số:*

*a) Trường hợp Chứng minh nhân dân 9 số còn rõ nét (ảnh, số Chứng minh nhân dân và chữ) thì cắt góc phía trên bên phải mặt trước của Chứng minh nhân dân đó, mỗi cạnh góc vuông là 2cm, ghi vào hồ sơ và trả Chứng minh nhân dân đã được cắt góc cho người đến làm thủ tục. Ngay sau khi nhận Chứng minh nhân dân đã cắt góc hoặc sau đó, nếu công dân có yêu cầu thì cơ quan tiến hành cắt góc Chứng minh nhân dân 9 số có trách nhiệm cấp giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân cho công dân;*

*b) Trường hợp Chứng minh nhân dân 9 số bị hỏng, bong tróc, không rõ nét (ảnh, số Chứng minh nhân dân và chữ) thì thu, hủy Chứng minh nhân dân đó, ghi vào hồ sơ và cấp Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân cho công dân.*

*2. Đối với Chứng minh nhân dân 12 số, cắt góc phía trên bên phải mặt trước của Chứng minh nhân dân đó, mỗi cạnh góc vuông bên phải là 1,5cm, ghi vào hồ sơ, trả Chứng minh nhân dân đã cắt góc cho người đến làm thủ tục.*

*3. Trường hợp công dân mất Chứng minh nhân dân 9 số mà làm thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân thì khi công dân có yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp thẻ Căn cước công dân có trách nhiệm cấp giấy số Chứng minh nhân dân 9 số đã mất cho công dân.”*

Trường hợp công dân thông tin có sự thay đổi, chưa được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì yêu cầu công dân xác định thông tin chính xác và xuất trình các giấy tờ hợp pháp về những thông tin cần ghi trong Tờ khai căn cước công dân.

Trường hợp đủ điều kiện, thủ tục thì tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh chân dung của công dân, Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (mẫu CC02) chuyển cho công dân kiểm tra xác nhận thông tin, ký, ghi rõ họ tên và cán bộ thu nhận thông tin kiểm tra, ký, ghi rõ họ tên vào phiếu này và lưu hồ sơ cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ CCCD, in giấy hẹn trả thẻ Căn cước công dân cho công dân.

Trường hợp đủ điều kiện nhưng thông tin chưa đầy đủ, chính xác thì hướng dẫn công dân bổ sung hoặc kê khai lại. Nếu thiếu giấy tờ liên quan theo quy định thì hướng dẫn bằng văn bản cho công dân, ghi rõ nội dung cần bổ sung.

Trường hợp qua đối chiếu thông tin thấy không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ cho công dân và ghi rõ lý do vào Tờ khai căn cước công dân.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết).

Bước 3: Thời gian trả kết quả: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết); nơi trả kết quả tại cơ quan Công an nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc trả qua đường bưu điện.

***2.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở Công an hoặc cấp lưu động tại các địa điểm cần thiết.

***2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Sổ hộ khẩu;

b) Tờ khai Căn cước công dân (ký hiệu là CC01);

c) Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (ký hiệu là CC02);

d) Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi các thông tin (nếu có).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***2.4. Thời hạn giải quyết:*** Theo quy định của Luật Căn cước công dân:

+ Tại thành phố, thị xã không quá 07 ngày làm việc;

+ Tại các huyện miền núi vùng cao, biên giới, hải đảo không quá 20 ngày làm việc;

+ Tại các khu vực còn lại không quá 15 ngày làm việc.

***2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Công dân Việt Nam.

***2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an cấp huyện.

***2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Thẻ Căn cước công dân.

***2.8. Lệ phí:*** 30.000 đồng đối với công dân chuyển từ chứng minh nhân dân 9 số, 12 số sang cấp thẻ Căn cước công dân.

Các trường hợp không phải nộp lệ phí: Công dân từ đủ 14 tuổi trở lên làm thủ tục cấp thẻ căn cước công dân lần đầu.

***2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

+ Tờ khai Căn cước công dân (ký hiệu là CC01);

+ Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (ký hiệu là CC02).

***2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không.

***2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

 + Luật căn cước công dân số 59/2014/QH13 ngày 20/11/2014;

+ Nghị định 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước công dân;

+ Thông tư 07/2016/TT-BCA ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết 1 số điều của Luật căn cước công dân và Nghị định 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước công dân;

+ Thông tư 61/2015/TT-BCA ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu thẻ CCCD;

+ Thông tư 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý thẻ CCCD, tàng thư CCCD và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

+ Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ CCCD;

+ Thông tư 10/2016/TT-BCA ngày 03/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tàng thư CCCD.

+ Thông tư số 256/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí thẻ Căn cước công dân.

+ Thông tư số 331/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 256/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí thẻ Căn cước công dân.

+ Quyết định số 3039/QĐ-BCA ngày 21/7/2016 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an.

**3. Đổi thẻ Căn cước công dân**

***3.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Công dân điền vào Tờ khai Căn cước công dân tại Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an cấp huyện. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ thu lại thẻ Căn cước công dân.

Bước 2:

+ Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu thông tin về công dân trong Tờ khai căn cước công dân với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để xác định chính xác người cần đổi thẻ.

Trường hợp công dân thông tin có sự thay đổi, chưa được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì yêu cầu công dân xác định thông tin chính xác và xuất trình các giấy tờ hợp pháp về những thông tin cần ghi trong Tờ khai căn cước công dân.

Trường hợp đủ điều kiện, thủ tục thì tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh chân dung của công dân, in phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (mẫu CC02) chuyển cho công dân kiểm tra xác nhận thông tin, ký, thu lệ phí theo quy định, in giấy hẹn trả thẻ Căn cước công dân cho công dân.

Trường hợp đủ điều kiện nhưng thông tin chưa đầy đủ, chính xác thì hướng dẫn công dân bổ sung hoặc kê khai lại. Nếu thiếu giấy tờ liên quan theo quy định thì hướng dẫn bằng văn bản cho công dân, ghi rõ nội dung cần bổ sung.

Trường hợp qua đối chiếu thông tin thấy không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ cho công dân và ghi rõ lý do vào Tờ khai căn cước công dân.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết).

Bước 3: Thời gian trả kết quả: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết); nơi trả kết quả tại cơ quan Công an nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc trả qua đường bưu điện.

***3.2. Cách thức thực hiện:***trực tiếp tại trụ sở Công an hoặc cấp lưu động tại các địa điểm cần thiết.

***3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Tờ khai Căn cước công dân (ký hiệu là CC01);

b) Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (ký hiệu là CC02).

c) Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi các thông tin (nếu có).

d) Thẻ Căn cước công dân cần đổi.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***3.4. Thời hạn giải quyết:*** theo quy định của Luật Căn cước công dân:

+ Tại thành phố, thị xã không quá 07 ngày làm việc;

+ Tại các huyện miền núi vùng cao, biên giới, hải đảo không quá 20 ngày làm việc;

+ Tại các khu vực còn lại không quá 15 ngày làm việc.

***3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Công dân Việt Nam.

***3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp huyện.

***3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Thẻ Căn cước công dân.

**3.8. Lệ phí:** 50.000 đồng, trừ các trường hợp sau:

+ Các trường hợp miễn lệ phí:

a) Đổi thẻ căn cước công dân khi Nhà nước quy định thay đổi địa giới hành chính;

b) Đổi thẻ căn cước công dân cho công dân là bố, mẹ, vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con dưới 18 tuổi của thương binh và người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; công dân thường trú tại các xã biên giới; các huyện đảo; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; công dân thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật;

c) Đổi thẻ căn cước công dân cho công dân dưới 18 tuổi, mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa.

+ Các trường hợp không phải nộp lệ phí:

a, Đổi thẻ căn cước công dân khi đủ 25 tuổi, 40 tuổi, 60 tuổi.

b, Đổi thẻ căn cước công dân khi có sai sót về thông tin trên thẻ căn cước công dân do lỗi của cơ quan quản lý căn cước công dân.

***3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

+ Tờ khai Căn cước công dân (ký hiệu là CC01);

+ Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (ký hiệu là CC02).

***3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không.

***3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:**

 + Luật căn cước công dân số 59/2014/QH13 ngày 20/11/2014;

+ Nghị định 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước công dân;

+ Thông tư 07/2016/TT-BCA ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết 1 số điều của Luật căn cước công dân và Nghị định 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước công dân;

+ Thông tư 61/2015/TT-BCA ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu thẻ CCCD;

+ Thông tư 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý thẻ CCCD, tàng thư CCCD và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

+ Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ CCCD;

+ Thông tư 10/2016/TT-BCA ngày 03/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tàng thư CCCD.

+ Thông tư số 256/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí thẻ Căn cước công dân.

+ Thông tư số 331/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 256/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí thẻ Căn cước công dân.

+ Quyết định số 3039/QĐ-BCA ngày 21/7/2016 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an.

**4. Thủ tục: Cấp lại thẻ Căn cước công dân**

***4.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ: phát tờ khai theo mẫu (CC01), công dân điền vào Tờ khai Căn cước công dân tại Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an cấp huyện.

Bước 2:

+ Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu thông tin về công dân trong Tờ khai căn cước công dân với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để xác định chính xác người cần cấp lại thẻ:

Trường hợp công dân thông tin có sự thay đổi, chưa được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì yêu cầu công dân xác định thông tin chính xác và xuất trình các giấy tờ hợp pháp về những thông tin cần ghi trong Tờ khai căn cước công dân.

Trường hợp đủ điều kiện, thủ tục thì tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh chân dung của công dân, in phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (mẫu CC02) chuyển cho công dân kiểm tra xác nhận thông tin ký, ghi rõ họ tên và cán bộ thu nhận thông tin kiểm tra, ký ghi rõ họ tên, thu lệ phí theo quy định, in giấy hẹn trả thẻ Căn cước công dân cho công dân.

Trường hợp đủ điều kiện nhưng thông tin chưa đầy đủ, chính xác thì hướng dẫn công dân bổ sung hoặc kê khai lại. Nếu thiếu giấy tờ liên quan theo quy định thì hướng dẫn bằng văn bản cho công dân, ghi rõ nội dung cần bổ sung.

Trường hợp qua đối chiếu thông tin thấy không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ cho công dân và ghi rõ lý do vào Tờ khai căn cước công dân.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết).

Bước 3: Thời gian trả kết quả: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết); nơi trả kết quả tại cơ quan Công an nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc trả qua đường bưu điện.

***4.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở Công an hoặc cấp lưu động tại các địa điểm cần thiết.

***4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Tờ khai Căn cước công dân (ký hiệu là CC01);

b) Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (ký hiệu là CC02);

c) Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi các thông tin (nếu có).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***4.4. Thời hạn giải quyết:*** Theo quy định của Luật Căn cước công dân:

+ Tại thành phố, thị xã không quá 15 ngày làm việc;

+ Tại các huyện miền núi vùng cao, biên giới, hải đảo không quá 20 ngày làm việc;

+ Tại các khu vực còn lại không quá 15 ngày làm việc.

***4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Công dân Việt Nam.

***4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an cấp huyện.

***4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Thẻ Căn cước công dân.

***4.8. Lệ phí:*** 70.000 đồng

Các trường hợp miễn lệ phí:

+ Cấp lại thẻ căn cước công dân cho công dân là bố, mẹ, vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con dưới 18 tuổi của thương binh và người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; công dân thường trú tại các xã biên giới; các huyện đảo; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; công dân thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật;

+ Cấp lại thẻ căn cước công dân cho công dân dưới 18 tuổi, mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa.

***4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

+ Tờ khai Căn cước công dân (ký hiệu là CC01);

+ Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (ký hiệu là CC02).

***4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***Không.

***4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

+ Luật căn cước công dân số 59/2014/QH13 ngày 20/11/2014;

+ Nghị định 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước công dân;

+ Thông tư 07/2016/TT-BCA ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết 1 số điều của Luật căn cước công dân và Nghị định 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước công dân;

+ Thông tư 61/2015/TT-BCA ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu thẻ CCCD;

+ Thông tư 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý thẻ CCCD, tàng thư CCCD và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

+ Thông tư số 11/2016/TT-BCA ngày 04/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ CCCD;

+ Thông tư 10/2016/TT-BCA ngày 03/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tàng thư CCCD.

+ Thông tư số 256/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí thẻ Căn cước công dân.

+ Thông tư số 331/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 256/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí thẻ Căn cước công dân.

+ Quyết định số 3039/QĐ-BCA ngày 21/7/2016 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an.

**5. Xác nhận số Chứng minh nhân dân khi cấp thẻ Căn cước công dân đã có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.**

***5.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Công dân điền thông tin yêu cầu vào Tờ khai Căn cước công dân tại Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an cấp huyện, trong Tờ khai Căn cước công dân, công dân ghi “có” yêu cầu cấp giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an cấp huyện.

Bước 3: Thời gian trả “Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân” như thời gian ghi trên giấy hẹn trả thẻ Căn cước công dân.

***5.2. Cách thức thực hiện:*** trực tiếp tại trụ sở Công an nơi tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp thẻ Căn cước công dân.

***5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Tờ khai Căn cước công dân (ký hiệu là CC01);

b) Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (ký hiệu là CC02).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***5.4. Thời hạn giải quyết:***Như thời gian trả thẻ Căn cước công dân.

***5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên, đang cư trú trên lãnh thổ Việt Nam đã được cấp Chứng minh nhân dân (9 số) có yêu cầu cấp thẻ Căn cước công dân.

***5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp huyện.

***5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân.

***5.8. Lệ phí:*** Không thu lệ phí.

***5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

+ Tờ khai Căn cước công dân (ký hiệu là CC01).

***5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không.

***5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

+ Thông tư số 07/2016/TT-BCA ngày 01/02/2016 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân;

+ Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân, tàng thư căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ Quyết định số 3039/QĐ-BCA ngày 21/7/2016 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an.

**6. Xác nhận số Chứng minh nhân dân khi cấp thẻ Căn cước công dân chưa có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư**

***6.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Công dân điền thông tin yêu cầu vào Tờ khai Căn cước công dân tại Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an cấp huyện, trong Tờ khai Căn cước công dân, công dân ghi “có” yêu cầu cấp giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp huyện.

Bước 3: Thời gian trả “Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân” như thời gian ghi trên giấy hẹn trả thẻ Căn cước công dân.

***6.2. Cách thức thực hiện:*** trực tiếp tại trụ sở Công an nơi tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp thẻ Căn cước công dân.

***6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Sổ hộ khẩu;

b) Tờ khai Căn cước công dân (ký hiệu là CC01);

c) Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân (ký hiệu là CC02).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***6.4. Thời hạn giải quyết:*** Như thời gian trả thẻ Căn cước công dân.

***6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*:** Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên, đang cư trú trên lãnh thổ Việt Nam đã được cấp Chứng minh nhân dân (9 số) có yêu cầu cấp thẻ Căn cước công dân.

***6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp huyện.

***6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân.

***6.8. Lệ phí:*** Không thu lệ phí.

***6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

+ Tờ khai Căn cước công dân (ký hiệu là CC01).

***6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không.

***6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

 + Thông tư số 07/2016/TT-BCA ngày 01/02/2016 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân; + Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân, tàng thư căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ Quyết định số 3039/QĐ-BCA ngày 21/7/2016 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an.

**7. Xác nhận số Chứng minh nhân dân khi đã được cấp thẻ Căn cước công dân**

***7.1. Trình tự thực hiện:***

Bước 1: Công dân đã được cấp thẻ Căn cước công dân có nhu cầu được cấp giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân chuẩn bị hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an cấp huyện.

Bước 3: Nhận kết quả.

***7.2. Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở Công an nơi đã làm thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân cho công dân.

***7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

+ Thành phần hồ sơ:

a) Thẻ Căn cước công dân;

b) Chứng minh nhân dân (12 số) đã bị cắt góc (nếu có);

c) Chứng minh nhân dân (9 số) đã bị cắt góc (nếu có).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

***7.4. Thời hạn giải quyết:***

+ Tại thành phố, thị xã không quá 07 ngày làm việc;

+ Tại các huyện miền núi vùng cao, biên giới, hải đảo không quá 20 ngày làm việc;

+ Tại các khu vực còn lại không quá 15 ngày làm việc.

***7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên, đang cư trú trên lãnh thổ Việt Nam đã được cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân hoặc mất giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân đã được cấp.

***7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an cấp huyện.

***7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân.

***7.8. Lệ phí:*** Không thu lệ phí.

***7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Không.

***7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không.

***7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

 + Thông tư số 07/2016/TT-BCA ngày 01/02/2016 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân;

 + Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân, tàng thư căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

+ Quyết định số 3039/QĐ-BCA ngày 21/7/2016 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an.